

Bảng giá thiết bị điện Hyundai Thiên Lộc Phát

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT THIÊN LỘC PHÁT



ĐỊA CHỈ: 13 NGUYỄN NGHIÊM, P. HÒA THẠNH, QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
 ĐIỆN THOẠI: (08) 39 733 688 - FAX: (08) 39 733 771 - MST: 0312578445
 SỐ TÀI KHOẢN: **1706142149** TẠI NGÂN HÀNG ACB CHI NHÁNH CHÂU VĂN LIÊM
 EMAIL: **SALETHIENLOCPHAT@GMAIL.COM**, HOT LINE: **0932 706 899**
 WEBSITE: [HTTP://GIADIENCONGNGHIEP.COM/](http://GIADIENCONGNGHIEP.COM/), [HTTP://THIENLOCPHATELECTRIC.COM/](http://THIENLOCPHATELECTRIC.COM/)



NHÀ PHÂN PHỐI CẤP 1 CHÍNH HÃNG THIẾT BỊ ĐIỆN:

Mã hàng	In(A)	Icu(kA)	Đơn giá(VND)
MCCB 2P - Chỉnh dòng nhiệt (Adj. thermal) 30 ~ 250AF (0.8-0.9-1*In), 400 ~ 800AF (0.63-0.8-1*In)			
HGM50E-F 2P	16-20-25-32-40-50A	35kA	550,000
HGM100E-F 2P	63-75-100A	35kA	680,000
HGM125E-F 2P	75-100-125A	50kA	830,000
HGM250E-F 2P	125-250A	50kA	1,380,000
HGM400E-F 2P	250/300/350/400A	50kA	3,400,000

Mã hàng	In(A)	Icu(kA)	Đơn giá(VND)
MCCB 3P - Chỉnh dòng nhiệt (Adj. thermal) 30 ~ 250AF (0.8-0.9-1*In), 400 ~ 800AF (0.63-0.8-1*In)			
HGM50E-F 3P	16-20-25-32-40-50A	16kA	650,000
HGM50S-F 3P	16-20-25-32-40-50A	20kA	670,000
HGM50H-F 3P	16-20-25-32-40-50A	38kA	790,000
HGM100E-F 3P	63-75-100A	16kA	850,000
HGM100H-F 3P	63-75-100A	26kA	920,000
HGM100L-F 3P	63-75-100A	30kA	950,000
HGM125E-F 3P	75-100-125A	20kA	880,000
HGM125S-F 3P	75-100-125A	26kA	920,000
HGM125H-F 3P	75-100-125A	38kA	1,150,000
HGM250S-F 3P	100-250A	26kA	1,650,000
HGM250H-F 3P	100-250A	38kA	1,850,000
HGM250L-F 3P	125-250A	55kA	2,150,000
HGM400E-F 3P	250-300-350-400A	45kA	4,150,000
HGM400S-F 3P	250-300-350-400A	65kA	4,550,000
HGM400H-F 3P	250-300-350-400A	85kA	4,650,000
HGM630E-F 3P	500-630A	45kA	8,300,000
HGM630S-F 3P	500-630A	65kA	9,500,000
HGM630H-F 3P	500-630A	85kA	9,600,000
HGM800S-F 3P	700-800A	65kA	9,600,000
HGM800H-F 3P	700-800A	85kA	10,200,000

Mã hàng	In(A)	Icu(kA)	Đơn giá(VND)
MCCB 3P - Chỉnh dòng nhiệt (0.8-1*In) và dòng INST (5-10*In)			
HGP400S-H 3P	250-300-350-400A	65kA	6,600,000
HGP630S-H 3P	500-630A	65kA	12,500,000
HGP800S-H 3P	700-800A	65kA	14,200,000

Mã hàng	In(A)	Icu(kA)	Đơn giá(VND)
MCCB 3P - Chỉnh dòng điện tử (Electronic)			
UPB400S 3P	200-400A	85kA	12,000,000
UPB400H 3P	200-400A	100kA	12,500,000
UPB630S 3P	320-630A	85kA	13,500,000
UPB630H 3P	320-630A	100kA	14,000,000

Mã hàng	In(A)	Icu(kA)	Đơn giá(VND)
MCCB 4P - Chỉnh dòng nhiệt (Adj. thermal) 30 ~ 250AF (0.8-0.9-1*In), 400 ~ 800AF (0.63-0.8-1*In)			
HGM60E-F 4P	16-63A	16kA	1,050,000
HGM60S-F 4P	16-63A	20kA	1,250,000
HGM60H-F 4P	16-63A	26kA	1,350,000
HGM60L-F 4P	16-63A	30kA	1,450,000
HMG100S-F 4P	75-100A	20kA	1,350,000
HMG100H-F 4P	75-100A	26kA	1,400,000
HMG100L-F 4P	75-100A	30kA	1,500,000
HMG125E-F 4P	100-125A	20kA	1,850,000
HMG125H-F 4P	100-125A	38kA	1,900,000
HMG250E-F 4P	125-250A	20kA	2,750,000
HMG250S-F 4P	125-250A	26kA	2,850,000
HMG250H-F 4P	125-250A	38kA	3,050,000
HMG400E-F 4P	250-300-350-400A	45kA	5,800,000
HMG400S-F 4P	250-300-350-400A	65kA	6,000,000
HMG400H-F 4P	250-300-350-400A	85kA	6,200,000
HMG630E-F 4P	500-630A	45kA	10,500,000
HMG630S-F 4P	500-630A	65kA	11,000,000
HMG630H-F 4P	500-630A	85kA	12,000,000
HMG800S-F 4P	700-800A	65kA	12,000,000
HMG800H-F 4P	700-800A	85kA	12,500,000

Phụ kiện MCCB		
Aux. Switch	AUX 10GM C1 (HMG30~250)	250,000
	AUX 40GM (HMG400/ 800)	350,000
Alarm Switch	ALT 10GM (HMG30~250)	250,000
	ALT 40GM (HMG400/ 800)	350,000
Shunt Trip (*)	SHT 10GM (HMG30~250)	450,000
	SHT 40GM (HMG400/ 800)	690,000
Under Voltage Trip (*)	UVT 10GM (HMG30~250)	1,200,000
	UVT 40GM (HMG400/ 800)	1,200,000
Tay xoay (Handle)	TFG/ TFH	(**)
Motor (MOT)	MOT	(**)
Nắp đầu cực	TCF	(**)
Tấm chắn pha	TQQ	(**)
Khoá (Padlock)	PLD	(**)
Thanh cái (Bus bar)	TBB 40GM 3S cho HMG400 3P	990,000
	TBB 80GM 3S cho HMG630/800 3P	1,800,000

(*) AC200~230V, AC380~415V

(**) Quý khách vui lòng liên hệ Nhà phân phối

Bảng giá áp dụng từ ngày 15/06/2016

Mã hàng	In(A)	Icu (kA)	Đơn giá(VNĐ)
APTOMAT- MCB (Loại thanh cài)			
HiBD63-N (1P)	6~63A	6	61,000
HiBD63-N (2P)	6~63A	6	135,000
HiBD63-N (3P)	6~63A	6	220,000
HiBD63-N (4P)	6~63A	6	360,000
HiBD63-N (1P+N)	6~63A	6	135,000
HiBD63-N (3P+N)	6~63A	6	360,000
HiBD63h (1P)	6~63A	10	90,000
HiBD63h (2P)	6~63A	10	200,000
HiBD63h (3P)	6~63A	10	330,000
HiBD125 (1P)	63~125A	10	165,000
HiBD125 (2P)	63~125A	10	365,000
HiBD125 (3P)	63~125A	10	595,000
HiBD125 (4P)	63~125A	10	990,000

APTOMAT- MCCB 2P (Loại hộp đúc)			
HiBC32S (ko vỏ)	10-15-20-30A	1.5	(**)
UDB30S 2P	10-15-20-30A	5	375,000
UDB50S 2P	40-50A	5	420,000
UAB50R 2P	40-50A	25	575,000
UAB60R 2P	60A	25	630,000
UAB100C 2P	75-100A	25	650,000
UCB250R 2P	125~250A	35	1,800,000
UCB400R 2P	250-300-350-400A	35	3,750,000

APTOMAT- MCCB 3P (Loại hộp đúc)			
UDB30S 3P	10-15-20-30A	2.5	505,000
UDB50S 3P	40-50A	2.5	520,000
UAB30C 3P	10-15-20-30A	7.5/5	730,000
UAB30R 3P	10-15-20-30A	14/10	750,000
UAB50R 3P	40-50A	14/10	750,000
UAB60R 3P	60A	14/10	790,000
UAB100C 3P	75-100A	14/10	820,000
UAB100R 3P	75-100A	25	900,000
UCB50R 3P	40-50A	30/25	1,050,000
UCB100R 3P	75-100-125A	30/25	1,250,000
UCB100S 3P	75-100-125A	42/36	1,350,000
UCB250S 3P	125~250A	35/25	1,950,000
UCB250H 3P	125~250A	42	2,000,000
UCB400R 3P	250-300-350-400A	30	4,080,000
UCB400S 3P	250-300-350-400A	42	4,250,000
UCB400H 3P	250-300-350-400A	65	4,400,000

APTOMAT- MCCB 3P, Chính dòng nhiệt (0.8-1)In			
UCB250S-F 3P	125~250A	35/25	2,100,000
UCB400S-F 3P	250-300-350-400	42	4,550,000
UCB400H-F 3P	250-300-350-400	65	4,600,000
UCB630R-F 3P	500-630A	45	8,300,000
UCB630S-F 3P	500-630A	65	9,500,000
UCB630H-F 3P	500-630A	85	9,600,000
UCB800R-F 3P	700-800A	45	8,750,000
UCB800S-F 3P	700-800A	65	9,980,000
UCB800H-F 3P	700-800A	85	10,080,000

Mã hàng	In(A)	Icu (kA)	Đơn giá(VNĐ)
APTOMAT RCBO (dòng dò 10/ 30/ 100/ 300/ 500mA)			
HiRO40 (1P+N)	10-16-20-25-32-40A	4.5	498,000
APTOMAT RCCB (dòng dò 10/ 30/ 100/ 300/ 500mA)			
HiRC63 2PG	16 -25 -32 -40 -63A		520,000
HiRC63 4PG	16 -25 -32 -40 -63A		620,000

SWITCH DISCONNECTOR		
HiSD125 1P	16 - 32 - 63A	60,000
	100 - 125A	95,000
HiSD125 2P	16 - 32 - 63A	120,000
	100 - 125A	190,000
HiSD125 3P	16 - 32 - 63A	190,000
	100 - 125A	300,000
HiSD125 4P	16 - 32 - 63A	250,000
	100 - 125A	395,000

APTOMAT- MCCB 3P, Chính dòng Electronic			
UPB400S 3P	200~400A	85	12,000,000
UPB400H 3P	200~400A	100	12,500,000
UPB630S 3P	320~630A	85	13,500,000
UPB630H 3P	320~630A	100	14,000,000
UCB1000S 3P	505~1000A	100	22,500,000
UCB1250S 3P	630~1250A	100	24,500,000
UCB1600S 3P	640~1600A	65	48,500,000

APTOMAT- MCCB 4P (Loại hộp đúc)			
UAB50R 4P	10-15-20-30-40-50A	7.5/5	950,000
UAB60R 4P	60A	7.5/5	980,000
UAB100C 4P	75-100A	14/10	1,010,000
UCB100R 4P	75-100A	30/25	1,750,000
UCB250R 4P	125~250A	25/18	2,560,000
UCB400R 4P	250-300-350-400A	30	5,500,000
UCB630R-F 4P	500-630A	45	10,400,000
UCB800R-F 4P	700-800A	45	11,000,000
UCB1000S 4P	505~1000A	100	29,000,000
UCB1250S 4P	630~1250A	100	33,500,000

PHỤ KIỆN MCCB		
Tiếp điểm (AUX hoặc ALT)	UAB30C~100C, UAB30R~60R	250,000
	UCB250R/S/N	250,000
	UCB400~800	375,000
	UCB1000~1250S/L	720,000
Shunt Trip (SHT)	SHT 10A_	450,000
	SHT 20C_	450,000
	SHT 46D_	690,000
	SHT 120NE_	1,500,000
Under Voltage Trip (UVT)	UVT 10A_	1,200,000
	UVT 20C_	1,200,000
	UVT 46D_	750,000
	UVT 120NE_	750,000
BUS BAR	TBB4S 3 (UCB400R/S/H/L)	1,080,000
	TBB6S 3 (UCB630R/S/H/L)	1,800,000
	TBB8S 3 (UCB800R/S/H/L)	2,100,000

(**) Quý khách vui lòng liên hệ Nhà phân phối

Bảng giá áp dụng từ ngày 15/06/2016

Mã hàng	In(A)	Công suất	Đơn giá (VNĐ)
CONTACTOR 3 PHA (AC Magnetic Contactor, 380VAC, 50Hz)			
HGC9 11NS X ---	9A (1a1b)	4KW	268,000
HGC12 11NS X ---	12A(1a1b)	5.5KW	290,000
HGC18 11NS X ---	18A(1a1b)	7.5KW	390,000
HGC25 11NS X ---	25A(1a1b)	11KW	475,000
HGC32 22NS X ---	32A(2a2b)	15KW	690,000
HGC40 22NS X ---	40A(2a2b)	18.5KW	830,000
HGC50 22NS X ---	50A(2a2b)	22KW	915,000
HGC65 22NS X ---	65A(2a2b)	30KW	1,150,000
HGC75 22NS X ---	75A(2a2b)	37KW	1,450,000
HGC85 22NS X ---	85A(2a2b)	45KW	1,750,000
HGC100 22NS X ---	100A(2a2b)	55KW	2,150,000
CONTACTOR 3 PHA (AC/DC Magnetic Contactor)			
HGC115 22NS F ---	115A(2a2b)	60KW	2,640,000
HGC130 22NS F ---	130A(2a2b)	65KW	2,750,000
HGC150 22NS F ---	150A(2a2b)	75KW	3,500,000
HGC185 22NS F ---	185A(2a2b)	90KW	4,600,000
HGC225 22NS F ---	225A(2a2b)	132KW	5,300,000
HGC265 22NS F ---	265A(2a2b)	147KW	7,150,000
HGC300 22NS F ---	300A(2a2b)	160KW	7,800,000
HGC400 22NS F ---	400A(2a2b)	220KW	9,000,000
HGC500 22NS F ---	500A(2a2b)	250KW	15,500,000
HGC630 22NS F ---	630A(2a2b)	330KW	18,900,000
HGC800 22NS F ---	800A(2a2b)	400KW	24,000,000

RO LE NHIỆT	Dài dòng	Đơn giá (VNĐ)
HGT18K (cho HGC9 ~ HGC18)	0.12 - 0.18A, 0.18 - 0.26A, 0.25 - 0.35A, 0.34 - 0.5A, 0.5 - 0.7A, 0.6 - 0.9A, 0.8 - 1.2A, 1.1 - 1.6A, 1.5 - 2.1A, 2 - 3A, 2.8 - 4.2A, 3 - 5A, 4 - 6A, 5.6 - 8A, 6 - 9A, 8 - 12A, 12 - 18A	230,000
HGT40K (cho HGC25~HGC40)	8 - 12A, 12 - 18A, 15 - 22A, 17 - 25A, 22 - 32A, 28-40A	280,000
HGT65K (cho HGC50~HGC65)	17 - 25A, 22-32A, 28 - 40A, 34 - 50A, 45 - 65A	580,000
HGT100K (cho HGC75~HGC100)	28 - 40A, 34 - 50A, 45 - 65A, 52 - 75A, 59 - 85A, 70-100A	845,000
HGT150K (cho HGC115~HGC150)	48 - 80A, 69 - 115A, 78 - 130A, 90 - 150A	1,650,000
HGT265K (cho HGC185~HGC265)	90 - 150A, 111 - 185A, 135 - 225A, 159 - 265A	2,150,000
HGT500K (cho HGC300~HGC500)	159 - 265A, 180 - 300A, 240 - 400A, 300-500A	3,000,000
UTH800K (cho HGC630, HGM800)	378 - 630A, 480 - 800A	6,000,000

CAPACITOR SWITCHING UNIT (Phụ kiện Contactor khi sử dụng cho đóng cắt tụ bù)		
HGCCU40 10N (1NO)	cho HGC9-HGC40	390,000
HGCCU40 01N (1NC)		390,000
HGCCU100 10N (1NO)	cho HGC50-HGC100	405,000
HGCCU100 01N (1NC)		405,000

Mã hàng	Tiếp điểm	Đơn giá (VNĐ)
TIẾP ĐIỂM PHỤ (CÀI TRÊN)		
HCBTB--NS cho HGC9-HGC100	2NC/ 1NO+1NC/ 2NC	85,000
	4NO/3NO+1NC 2NO+2NC/ 1NO+3NC/4NC	150,000

TIẾP ĐIỂM PHỤ (CÀI CẠNH)		
HGCSB 40	1NO+1NC, cho HGC9-HGC40	85,000
HGCSB 100	1NO+1NC, cho HGC50-HGC100	120,000
HGCSB 800	1NO+1NC, cho HGC115-HGC800	160,000

KHÓA LIÊN ĐỘNG		
HGCIU40	HGC9 ~ HGC40	150,000
HGCIU100	HGC50 ~ HGC100	180,000
HGCIU265	HGC115 ~ HGC265	250,000
HGCIU800	HGC300 ~ HGC800	1,200,000

CONTROL RELAY (4b/ 1a3b/ 2a2b/ 3a1b/ 4a)		
HGR--XS X220	AC220V	430,000
HGR--TS D110	DC110V	540,000

CUỘN HÚT CONTACTOR (AC, AC/DC Coil)		
HGCOL18 X---	cho HGC9-HGC18	138,000
HGCOL40 X---	cho HGC25-HGC40	138,000
HGCOL65 X---	cho HGC50-HGC65	196,000
HGCOL100 X---	cho HGC75-HGC100	220,000
HGCOL150 F---	cho HGC115-HGC150	1,150,000
HGCOL265 F---	cho HGC185-HGC265	1,480,000
HGCOL500 F---	cho HGC300-HGC500	2,620,000
HGCOL800 F--	cho HGC630-HGC800	3,520,000

CUỘN HÚT CONTACTOR (DC Coil)		
HGCOL18 D---	cho HGC9-HGC18	210,000
HGCOL40 D---	cho HGC25-HGC40	220,000
HGCOL65 D---	cho HGC50-HGC65	230,000
HGCOL100 D---	cho HGC75-HGC100	260,000

CONTACTOR 3 PHA (DC COIL)		
HGC9 11NSD---	9A (1a1b)	450,000
HGC12 11NSD---	12A(1a1b)	475,000
HGC18 11NSD---	18A(1a1b)	560,000
HGC25 11NSD---	25A(1a1b)	575,000
HGC32 11NSD---	32A (1a1b)	750,000
HGC40 11NSD---	40A (1a1b)	950,000
HGC50 11NSD---	50A (1a1b)	1,050,000
HGC65 11NSD---	65A (1a1b)	1,350,000
HGC75 11NSD---	75A (1a1b)	1,950,000
HGC85 11NSD---	85A (1a1b)	2,400,000
HGC100 11NSD---	100A (1a1b)	2,500,000

Bảng giá áp dụng từ ngày 15/06/2016

Mã hàng	In(A)	Công suất	Đơn giá(VNĐ)
CONTACTOR 3 PHA (AC Magnetic Contactor, 380VAC, 50Hz)			
UMC9 11NS X ---	9A (1a1b)	4KW	265,000
UMC12 11NS X ---	12A(1a1b)	5.5KW	290,000
UMC18 11NS X ---	18A(1a1b)	7.5KW	380,000
UMC25 11NS X ---	25A(1a1b)	11KW	450,000
UMC32 22NS X ---	32A(2a2b)	15KW	650,000
UMC40 22NS X ---	40A(2a2b)	18.5KW	780,000
UMC50 22NS X ---	50A(2a2b)	22KW	880,000
UMC65 22NS X ---	65A(2a2b)	30KW	1,100,000
UMC75 22NS X ---	75A(2a2b)	37KW	1,500,000
UMC85 22NS X ---	85A(2a2b)	45KW	1,750,000
UMC100 22NS X ---	100A(2a2b)	55KW	2,050,000
CONTACTOR 3 PHA (AC/DC Magnetic Contactor)			
UMC115 22NS F ---	115A(2a2b)	60KW	2,200,000
UMC130 22NS F ---	130A(2a2b)	65KW	2,750,000
UMC150 22NS F ---	150A(2a2b)	75KW	3,200,000
UMC185 22NS F ---	185A(2a2b)	90KW	4,400,000
UMC225 22NS F ---	225A(2a2b)	132KW	5,100,000
UMC265 22NS F ---	265A(2a2b)	147KW	6,600,000
UMC300 22NS F ---	300A(2a2b)	160KW	7,300,000
UMC400 22NS F ---	400A(2a2b)	220KW	10,500,000
UMC500 22NS F ---	500A(2a2b)	250KW	14,500,000
UMC630 22NS F ---	630A(2a2b)	330KW	17,500,000
UMC800 22NS F ---	800A(2a2b)	400KW	22,500,000

RƠ LE NHIỆT	Dải dòng	Đơn giá (VNĐ)
UTH12H (2 Elements, cho UMC9 & UMC12)	0.12 - 0.18A, 0.18 - 0.26A, 0.25 - 0.35A, 0.34 - 0.5A, 0.5 - 0.7A, 0.6 - 0.9A, 0.8 - 1.2A, 1.1 - 1.6A, 1.5 - 2.1A, 2 - 3A, 2.8 - 4.2A, 3 - 5A, 4 - 6A, 5.6 - 8A, 6 - 9A, 8 - 12A	220,000
UTH32H (2 Elements, cho UMC18~UMC32)	6 - 9A, 8 - 12A, 12 - 18A, 15 - 22A, 17 - 25A, 22 - 32A	280,000
UTH65H (2 Elements, cho UMC40~UMC65)	7A - 10A, 8 - 12A, 12 - 18A, 15 - 22A, 17 - 25A, 28 - 40A, 34 - 50A, 45 - 65A	480,000
UTH100H (2 Elements, cho UMC75~UMC100)	34 - 50A, 45 - 65A, 52 - 75A, 59 - 85A, 70-100A	600,000
UTH150K (3 Element, cho UMC115~UMC150)	48 - 80A, 69 - 115A, 78 - 130A, 90 - 150A	1,650,000
UTH265K (3 Element, cho UMC185~UMC265)	90 - 150A, 111 - 185A, 135 - 225A, 159 - 265A	2,150,000
UTH400K (3 Element, cho UMC300, 400)	135 - 225A, 159 - 265A, 180 - 300A, 240 - 400A	3,050,000
UTH800K (3 element, cho UMC500)	300 - 500A	3,500,000
UTH800K (3 element, cho UMC630, 800)	378 - 630A, 480 - 800A	6,000,000

Mã hàng	Tiếp điểm	Đơn giá (VNĐ)
Tiếp điểm phụ		
UAB 02NS	2NC/ 1NO+1NC/ 2NO Cài trên, cho UMC9-UMC100, UMX, & UMT	85,000
UAB 11NS		
UAB 20NS		
UAB 04NS	4NO, 4NC, 1NO+3NC, 2NO+2NC, 3NO+1NC, (Cài trên, cho UMC9-UMC100, UMX, & UMT)	150,000
UAB 13NS		
UAB 22NS		
UAB 31NS		
UAB 40NS		
UAL65 11NS	1NO+1NC, Cài bên, cho UMC9-UMC65	85,000
UAL100 11NS	1NO+1NC, Cài bên, cho UMC75-UMC100	120,000
UAL400 11NS	1NO+1NC, Cài bên, cho UMC115-UMC800	140,000
Khóa liên động		
UTL65	UMC9 ~ UMC65	150,000
UTL100	UMC75 ~ UMC100	180,000
UTL265	UMC115 ~ UMC265	250,000
UTL400	UMC300 ~ UMC800	900,000

CONTROL RELAY (4b/ 1a3b/ 2a2b/ 3a1b/ 4a)		
UMX--NS X220	AC220V	430,000
UMT--NS D110	DC110V	580,000

CUỘN HÚT CONTACTOR (AC, AC/DC Coil)		
UMCOL12 X---	cho UMC9-UMC12, UMX	90,000
UMCOL32 X---	cho UMC18-UMC32	90,000
UMCOL65 X---	cho UMC40-UMC65	140,000
UMCOL100 X---	cho UMC75-UMC100	200,000
UMCOL150 F---	cho UMC115-UMC150	900,000
UMCOL265 F---	cho UMC185-UMC265	1,500,000
UMCOL400 F---	cho UMC300-UMC500	2,000,000

Thiết bị chống sốc điện (Surge Absorber)		
URC32 Y --- (UMC9~UMC32)	AC24V-48V, AC110V-220V, AC240V-380V	150,000
URC100 Y --- (UMC40~UMC100)	AC24V-48V, AC110V-220V, AC240V-380V	150,000

Capacitor Switching Unit		
UAD100 10NS	1 NO	400,000
UAD100 01NS	1 NC	400,000

Bảng giá áp dụng từ ngày 15/06/2016

Mã hàng	In (A)	Icu(kA)	Đơn giá(VND)
MÁY CẮT KHÔNG KHÍ - ACB 3P UAS type, loại cố định			
UAS06A 3H M2C2S250T	630A	65	42,000,000
UAS08A 3H M2C2S250H	800A	65	42,500,000
UAS10A 3H M2C2S250J	1000A	65	44,000,000
UAS12A 3H M2C2S250K	1250A	65	46,000,000
UAS16A 3H M2C2S250L	1600A	65	48,000,000
UAS20B 3H M2C2S250M	2000A	85	60,000,000
UAS25B 3H M2C2S250N	2500A	85	66,000,000
UAS32B 3H M2C2S250P	3200A	85	76,500,000

Mã hàng	In (A)	Icu(kA)	Đơn giá(VND)
MÁY CẮT KHÔNG KHÍ - ACB 3P UAS type, loại ngăn kéo			
UAS06A 3B M2C2S250T	630A	65	56,500,000
UAS08A 3B M2C2S250H	800A	65	58,000,000
UAS10A 3B M2C2S250J	1000A	65	59,000,000
UAS12A 3B M2C2S250K	1250A	65	63,500,000
UAS16A 3B M2C2S250L	1600A	65	66,000,000
UAS20B 3B M2C2S250M	2000A	85	78,000,000
UAS25B 3B M2C2S250N	2500A	85	86,000,000
UAS32B 3B M2C2S250P	3200A	85	96,000,000

Mã hàng	In (A)	Icu(kA)	Đơn giá(VND)
MÁY CẮT KHÔNG KHÍ - ACB 3P UAN type, loại cố định			
UAN06A 3H M2C2S250T	630A	85	45,500,000
UAN08A 3H M2C2S250H	800A	85	47,000,000
UAN10A 3H M2C2S250J	1000A	85	48,000,000
UAN12A 3H M2C2S250K	1250A	85	50,000,000
UAN16A 3H M2C2S250L	1600A	85	52,000,000
UAN20A 3V M2C2S250M	2000A	85	56,000,000
UAN20B 3H M2C2S250M	2000A	100	65,000,000
UAN25B 3H M2C2S250N	2500A	100	74,000,000
UAN32B 3H M2C2S250P	3200A	100	95,000,000
UAN40B 3H M2C2S250Q	4000A	100	101,000,000
UAN40C 3H M2C2S250Q	4000A	100	130,000,000
UAN50C 3H M2C2S250S	5000A	100	144,000,000

Mã hàng	In (A)	Icu(kA)	Đơn giá(VND)
MÁY CẮT KHÔNG KHÍ - ACB 3P UAN type, loại ngăn kéo			
UAN06A 3B M2C2S250T	630A	85	63,000,000
UAN08A 3B M2C2S250H	800A	85	64,000,000
UAN10A 3B M2C2S250J	1000A	85	66,000,000
UAN12A 3B M2C2S250K	1250A	85	71,000,000
UAN16A 3B M2C2S250L	1600A	85	74,000,000
UAN20A 3B M2C2S250M	2000A	85	79,000,000
UAN20B 3B M2C2S250M	2000A	100	89,000,000
UAN25B 3B M2C2S250N	2500A	100	96,800,000
UAN32B 3B M2C2S250P	3200A	100	129,000,000
UAN40B 3B M2C2S250Q	4000A	100	131,000,000
UAN40C 4B M2C2S250Q	4000A	100	160,000,000
UAN50C 3B M2C2S250S	5000A	100	168,000,000

Mã hàng	In (A)	Icu(kA)	Đơn giá(VND)
MÁY CẮT KHÔNG KHÍ - ACB 4P UAS type, loại cố định			
UAS06A 4H M2C2S250T	630A	65	49,000,000
UAS08A 4H M2C2S250H	800A	65	49,500,000
UAS10A 4H M2C2S250J	1000A	65	50,000,000
UAS12A 4H M2C2S250K	1250A	65	53,000,000
UAS16A 4H M2C2S250L	1600A	65	54,000,000
UAS20B 4H M2C2S250M	2000A	85	68,000,000
UAS25B 4H M2C2S250N	2500A	85	72,000,000
UAS32B 4H M2C2S250P	3200A	85	81,000,000

Mã hàng	In (A)	Icu(kA)	Đơn giá(VND)
MÁY CẮT KHÔNG KHÍ - ACB 4P UAS type, loại ngăn kéo			
UAS06A 4B M2C2S250T	630A	65	68,000,000
UAS08A 4B M2C2S250H	800A	65	69,500,000
UAS10A 4B M2C2S250J	1000A	65	70,500,000
UAS12A 4B M2C2S250K	1250A	65	76,000,000
UAS16A 4B M2C2S250L	1600A	65	78,500,000
UAS20B 4B M2C2S250M	2000A	85	93,000,000
UAS25B 4B M2C2S250N	2500A	85	99,000,000
UAS32B 4B M2C2S250P	3200A	85	108,000,000

Mã hàng	In (A)	Icu(kA)	Đơn giá(VND)
MÁY CẮT KHÔNG KHÍ - ACB 4P UAN type, loại cố định			
UAN06A 4H M2C2S250T	630A	85	54,000,000
UAN08A 4H M2C2S250H	800A	85	54,500,000
UAN10A 4H M2C2S250J	1000A	85	55,000,000
UAN12A 4H M2C2S250K	1250A	85	58,000,000
UAN16A 4H M2C2S250L	1600A	85	60,000,000
UAN20A 4V M2C2S250M	2000A	85	65,000,000
UAN20B 4H M2C2S250M	2000A	100	77,000,000
UAN25B 4H M2C2S250N	2500A	100	90,000,000
UAN32B 4H M2C2S250P	3200A	100	112,000,000
UAN40C 4H M2C2S250Q	4000A	100	165,000,000
UAN50C 4H M2C2S250S	5000A	100	188,000,000

Mã hàng	In (A)	Icu(kA)	Đơn giá(VND)
MÁY CẮT KHÔNG KHÍ - ACB 4P UAN type, loại ngăn kéo			
UAN06A 4B M2C2S250T	630A	85	74,000,000
UAN08A 4B M2C2S250H	800A	85	76,000,000
UAN10A 4B M2C2S250J	1000A	85	78,000,000
UAN12A 4B M2C2S250K	1250A	85	81,000,000
UAN16A 4B M2C2S250L	1600A	85	85,000,000
UAN20A 4B M2C2S250M	2000A	85	93,000,000
UAN20B 4B M2C2S250M	2000A	100	103,000,000
UAN25B 4B M2C2S250N	2500A	100	112,800,000
UAN32B 4B M2C2S250P	3200A	100	140,000,000
UAN40C 4B M2C2S250Q	4000A	100	205,000,000
UAN50C 4B M2C2S250S	5000A	100	245,000,000

Phụ kiện ACB	
Bộ bảo vệ thấp áp (UANS V_)	
UVT Coil	1,250,000
UVT Time Delay Controller	2,990,000

Phụ kiện ACB	
Khóa liên động -Mechanical Interlock (UANS _)	
Liên động 2 ACB (cho A, B frame)	18,000,000
Liên động 3 ACB (cho A, B frame)	30,000,000

Thông số				Mã hàng	Đơn giá (VND)
HVG Fixed series (Only VCB Body)					
7.2kV	8kA	400A	Control Voltage:DC110V, 4NO+4NC	HVG1099AXA444A	54,385,000
		12.5kA		630A	HVG1011AXA444A
	20kA	630A		HVG1131BXA444A	77,493,000
		1250A		HVG1132BXA444A	79,016,000
	25kA	630A		HVG1141BXA444A	77,524,000
		1250A		HVG1142BXA444A	80,969,000
HVG Draw-Out series With E Cradle (without Shutter & Bushing)					
7.2kV	8kA	400A	Control Voltage:DC110V, 4NO+4NC	HVG1099AES444A	64,451,000
		12.5kA		630A	HVG1011AES444A
	20kA	630A		HVG1131BES444A	89,064,000
		1250A		HVG1132BES444A	93,553,000
	25kA	630A		HVG1141BES444A	92,553,000
		1250A		HVG1142BES444A	95,987,000
HVG Draw-Out series With F Cradle (with Shutter & Without Bushing)					
7.2kV	8kA	400A	Control Voltage:DC110V, 4NO+4NC	HVG1099AFS444A	72,200,000
		12.5kA		630A	HVG1011AFS444A
	20kA	630A		HVG1131BFS444A	95,727,000
		1250A		HVG1132BFS444A	97,500,000
	25kA	630A		HVG1141BFS444A	96,087,000
		1250A		HVG1142BFS444A	100,824,000
HVG Draw-Out series With G Cradle (with Shutter & Bushing)					
7.2kV	8kA	400A	Control Voltage:DC110V, 4NO+4NC	HVG1099AGS444A	87,618,000
		12.5kA		630A	HVG1011AGS444A
	20kA	630A		HVG1131BGS444A	116,556,000
		1250A		HVG1132BGS444A	129,053,000
	25kA	630A		HVG1141BGS444A	124,025,000
		1250A		HVG1142BGS444A	132,884,000
HVF Fixed series (Only VCB Body)					
36kV	25kA	1250A	Control Voltage:DC110V, 4NO+4NC	HVF7142IXA444C	250,338,000
		2000A		HVF7144IXA444C	253,775,000
	31.5kA	1250A		HVF7052IXA444C	280,006,000
		2000A		HVF7054IXA444C	313,273,000
		3150A		HVF7057IXA444C	348,379,000
HVF Draw-Out series With G Cradle (with Shutter & Bushing)					
36kV	25kA	1250A	Control Voltage:DC110V, 4NO+4NC	HVF7142IGS444C	513,451,000
		2000A		HVF7144IGS444C	527,967,000
	31.5kA	1250A		HVF7052IGS444C	591,598,000
		2000A		HVF7054IGS444C	681,500,000
		3150A		HVF7057IGS444C	894,715,000
HGV Fixed series (Only VCB Body)					
7.2kV	25kA	630A	Control Voltage:AC/DC110V, 4NO+4NC	HGV1141CXA444C	111,739,000
		1250A		HGV1142CXA444C	112,312,000
24/25.8kV	25kA	630A		HGV6141FXA444C	124,919,000
		1250A		HGV6142FXA444C	125,492,000
		2000A		HGV6144FXA444C	148,413,000
HGV Draw-out series With E Cradle (without Shutter & Bushing)					
7.2kV	25kA	630A	Control Voltage:AC/DC110V, 4NO+4NC	HGV1141CES444C	137,525,000
		1250A		HGV1142CES444C	143,255,000
24/25.8kV	25kA	630A		HGV6141FES444C	172,480,000
		1250A		HGV6142FES444C	173,339,000
		2000A		HGV6144FES444C	207,434,000
HGV Draw-out series with F Cradle (with Shutter & without Bushing)					
7.2kV	25kA	630A	Control Voltage:AC/DC110V, 4NO+4NC	HGV1141CFS444C	148,126,000
		1250A		HGV1142CFS444C	154,716,000
24/25.8kV	25kA	630A		HGV6141FFS444C	179,585,000
		1250A		HGV6142FFS444C	183,252,000
		2000A		HGV6144FFS444C	252,015,000
HGV Draw-out series With G Cradle (with Shutter & Bushing)					
7.2kV	25kA	630A	Control Voltage:AC/DC110V, 4NO+4NC	HGV1141FGS444C	223,479,000
		1250A		HGV1142FGS444C	226,344,000
24/25.8kV	25kA	630A		HGV6141FGS444C	226,344,000
		1250A		HGV6142FGS444C	237,804,000
		2000A		HGV6144FGS444C	269,951,000

Mã hàng	Thông số	Đơn giá (VND)
Vacuum Contactor 3.6/7.2kV 200A, Continuously Energized, Fixed type		
UVC32CX1000000H	3.6kV, 200A, without fuse holder, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC	30,136,000
UVC62CX1000000H	7.2kV, 200A, without fuse holder, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC	31,012,000
UVC32CA1006000HCM	3.6kV, 200A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, with FMD	35,751,000
UVC62CA1006000HCM	7.2kV, 200A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, with FMD	36,782,000
Vacuum Contactor 3.6/7.2kV 200A, Continuously Energized, Draw-out type		
UVC32CB1F10000H	3.6kV, 200A, without fuse holder, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, With F Cradle (Insulation shutter)	41,469,000
UVC62CB1F10000H	7.2kV, 200A, without fuse holder, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, With F Cradle (Insulation shutter)	42,345,000
UVC32CD1F16000CM	3.6kV, 200A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, With F Cradle (Insulation shutter), with FMD	48,991,000
UVC62CD1F16000CM	7.2kV, 200A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, With F Cradle (Insulation shutter), with FMD	50,021,000
HCA32CB4M10000	3.6kV, 200A, without fuse holder, AC220V, 2NO+2NC, With M Cradle (Metal shutter and bushing)	92,108,000
HCA62CB4M10000	7.2kV, 200A, without fuse holder, AC220V, 2NO+2NC, With M Cradle (Metal shutter and bushing)	93,190,000
HCA32CD4M16000AM	3.6kV, 200A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC220V, 2NO+2NC, With M Cradle (Metal shutter and bushing), with FMD	100,917,000
HCA62CD4M16000AM	7.2kV, 200A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC220V, 2NO+2NC, With M Cradle (Metal shutter and bushing), with FMD	102,051,000
HCA32CB4T10000	3.6kV, 200A, without fuse holder, AC220V, 2NO+2NC, With T Cradle (Metal shutter, Bushing, & Earthing switch)	142,747,000
HCA62CB4T10000	7.2kV, 200A, without fuse holder, AC220V, 2NO+2NC, With T Cradle (Metal shutter, Bushing, & Earthing switch)	143,520,000
Vacuum Contactor 3.6/7.2kV 400A, Continuously Energized, Fixed type		
UVC34CX1000000H	3.6kV, 400A, without fuse holder, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC	29,467,000
UVC64CX1000000H	7.2kV, 400A, without fuse holder, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC	30,342,000
UVC34CA1006000HCM	3.6kV, 400A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, with FMD	36,782,000
UVC64CA1006000HCM	7.2kV, 400A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, with FMD	37,915,000
Vacuum Contactor 3.6/7.2kV 400A, Continuously Energized, Draw-out type		
UVC34CB1F10000H	3.6kV, 400A, without fuse holder, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, With F Cradle (Insulation shutter)	42,706,000
UVC64CB1F10000H	7.2kV, 400A, without fuse holder, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, With F Cradle (Insulation shutter)	43,633,000
UVC34CD1F16000CM	3.6kV, 400A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, With F Cradle (Insulation shutter), with FMD	50,433,000
UVC64CD1F16000CM	7.2kV, 400A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, With F Cradle (Insulation shutter), with FMD	51,566,000
HCA34CB4M10000	3.6kV, 400A, without fuse holder, AC220V, 2NO+2NC, With M Cradle (Metal shutter and bushing)	94,890,000
HCA64CB4M10000	7.2kV, 400A, without fuse holder, AC220V, 2NO+2NC, With M Cradle (Metal shutter and bushing)	95,972,000
HCA34CD4M16000AM	3.6kV, 400A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC220V, 2NO+2NC, With M Cradle (Metal shutter and bushing), with FMD	103,957,000
HCA64CD4M16000AM	7.2kV, 400A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC220V, 2NO+2NC, With M Cradle (Metal shutter and bushing), with FMD	105,141,000
HCA34CB4T10000	3.6kV, 400A, without fuse holder, AC220V, 2NO+2NC, With T Cradle (Metal shutter, Bushing, & Earthing switch)	147,023,000
HCA64CB4T10000	7.2kV, 400A, without fuse holder, AC220V, 2NO+2NC, With T Cradle (Metal shutter, Bushing, & Earthing switch)	147,847,000
HCA34CD4T16000AM	3.6kV, 400A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC220V, 2NO+2NC, With T Cradle (Metal shutter, Bushing, & Earthing switch), with FMD	159,500,000
HCA64CD4T16000AM	7.2kV, 400A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC220V, 2NO+2NC, With T Cradle (Metal shutter, Bushing, & Earthing switch), with FMD	161,500,000

Mã hàng	Thông số	Đơn giá (VNĐ)
Vacuum Contactor 3.6/7.2kV 200A, Latched, Fixed type		
UVC32LX100000H	3.6kV, 200A, without fuse holder, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC	31,012,000
UVC62LX100000H	7.2kV, 200A, without fuse holder, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC	32,763,000
UVC32LA1006000HCM	3.6kV, 200A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, with FMD	37,554,000
UVC62LA1006000HCM	7.2kV, 200A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, with FMD	38,636,000
Vacuum Contactor 3.6/7.2kV 200A, Latched, Draw-out type		
UVC32LB1F10000H	3.6kV, 200A, without fuse holder, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, With F Cradle (Insulation shutter)	43,581,000
UVC62LB1F10000H	7.2kV, 200A, without fuse holder, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, With F Cradle (Insulation shutter)	44,509,000
UVC32LD1F16000CM	3.6kV, 200A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, With F Cradle (Insulation shutter), with FMD	51,463,000
UVC62LD1F16000CM	7.2kV, 200A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, With F Cradle (Insulation shutter), with FMD	52,545,000
HCA32LB4M10000	3.6kV, 200A, without fuse holder, AC220V, 2NO+2NC, With M Cradle (Metal shutter and bushing)	96,693,000
HCA62LB4M10000	7.2kV, 200A, without fuse holder, AC220V, 2NO+2NC, With M Cradle (Metal shutter and bushing)	97,878,000
HCA32LD4M16000AM	3.6kV, 200A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC220V, 2NO+2NC, With M Cradle (Metal shutter and bushing), with FMD	105,966,000
HCA62LD4M16000AM	7.2kV, 200A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC220V, 2NO+2NC, With M Cradle (Metal shutter and bushing), with FMD	107,202,000
HCA32LB4T10000	3.6kV, 200A, without fuse holder, AC220V, 2NO+2NC, With T Cradle (Metal shutter, Bushing, & Earthing switch)	149,908,000
HCA62LB4T10000	7.2kV, 200A, without fuse holder, AC220V, 2NO+2NC, With T Cradle (Metal shutter, Bushing, & Earthing switch)	150,732,000
HCA32LD4T16000AM	3.6kV, 200A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC220V, 2NO+2NC, With T Cradle (Metal shutter, Bushing, & Earthing switch), with FMD	163,500,000
HCA62LD4T16000AM	7.2kV, 200A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC220V, 2NO+2NC, With T Cradle (Metal shutter, Bushing, & Earthing switch), with FMD	165,000,000
Vacuum Contactor 3.6/7.2kV 400A, Latched, Fixed type		
UVC34LX100000H	3.6kV, 400A, without fuse holder, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC	30,909,000
UVC64LX100000H	7.2kV, 400A, without fuse holder, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC	31,836,000
UVC34LA1006000HCM	3.6kV, 400A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, with FMD	38,636,000
UVC64LA1006000HCM	7.2kV, 400A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, with FMD	39,821,000
Vacuum Contactor 3.6/7.2kV 400A, Latched, Draw-out type		
UVC34LB1F10000H	3.6kV, 400A, without fuse holder, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, With F Cradle (Insulation shutter)	44,818,000
UVC64LB1F10000H	7.2kV, 400A, without fuse holder, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, With F Cradle (Insulation shutter)	45,797,000
UVC34LD1F16000CM	3.6kV, 400A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, With F Cradle (Insulation shutter), with FMD	52,957,000
UVC64LD1F16000CM	7.2kV, 400A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, With F Cradle (Insulation shutter), with FMD	54,090,000
HCA34LB4M10000	3.6kV, 400A, without fuse holder, AC220V, 2NO+2NC, With M Cradle (Metal shutter and bushing)	99,629,000
HCA64LB4M10000	7.2kV, 400A, without fuse holder, AC220V, 2NO+2NC, With M Cradle (Metal shutter and bushing)	100,814,000
HCA34LD4M16000AM	3.6kV, 400A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC220V, 2NO+2NC, With M Cradle (Metal shutter and bushing), with FMD	109,160,000
HCA64LD4M16000AM	7.2kV, 400A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC220V, 2NO+2NC, With M Cradle (Metal shutter and bushing), with FMD	110,345,000
HCA34LB4T10000	3.6kV, 400A, without fuse holder, AC220V, 2NO+2NC, With T Cradle (Metal shutter, Bushing, & Earthing switch)	154,441,000
HCA64LB4T10000	7.2kV, 400A, without fuse holder, AC220V, 2NO+2NC, With T Cradle (Metal shutter, Bushing, & Earthing switch)	155,265,000
HCA34LD4T16000AM	3.6kV, 400A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC220V, 2NO+2NC, With T Cradle (Metal shutter, Bushing, & Earthing switch)	168,000,000
HCA64LD4T16000AM	7.2kV, 400A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC220V, 2NO+2NC, With T Cradle (Metal shutter, Bushing, & Earthing switch)	169,500,000